TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-PT
Ngày 21-02-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Lê Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 01 và 21 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2018/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D2, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Quang N1, sinh năm 1949; địa chỉ: Nhà trọ P, đường D, khu phố E, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Minh L1, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 9 năm 2018).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị D1, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp K, xã A, huyện D2, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Tiến N2, sinh năm 1970; địa chỉ: Số B, khu phố C, thị trấn D, huyện D2, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 01 năm 2019).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Lê Quang N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông N1 biết bà D1 thông qua giới thiệu của bà Sơn Thị L2. Bà L2 ở trọ tại khu nhà trọ P1 (nhà trọ của ông N1). Bà L2 là em gái của chị dâu bà D1. Ngày 02 tháng 4 năm 2018, bà D1 có vay ông N1 số tiền 500.000.000 đồng. Khi vay ông N1 có viết hàng chữ "2/4/ D sinh 1981 vay 500.000.000đ" trong sổ của ông N1, bà D1 ký tên vào chỗ người vay; đồng thời, ông N1 và bà D1 lập 02 giấy ủy quyền đối với quyền sử dụng đất của bà D1, nội dung: Bà D1 ủy quyền cho ông N1 quyền sử dụng đất của bà D1, nếu bà D1 không trả nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận thì quyền sử dụng đất thuộc quyền của ông N1; giấy ủy quyền lập 02 bản, ông N1 giữ 01 bản và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà D1; giấy ủy quyền không có chứng thực.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, bà D1 trả cho ông N1 30.000.000 đồng tiền lãi. Khoảng 08 giờ sáng ngày 27 tháng 5 năm 2018, bà D1 đến nhà gặp ông N1 để hỏi mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy ủy quyền để bà D1 đi phô tô. Mục đích phô tô để bà D1 đem giấy chứng nhận thế chấp đi vay tiền ở C rồi trả tiền cho ông N1 (bà D1 nói nếu bà mượn được tiền sẽ đem trả cho ông N1 cả gốc và lãi). Ông N1 tin lời bà D1 nên giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy ủy quyền ngày 02 tháng 4 năm 2018 cho bà D1. Khi ông N1 đóng cửa phòng để đi theo bà D1 đến nơi phô tô thì bà D1 điều khiển xe máy đi mất nên ông N1 không theo kịp. Ông N1 quay về lấy điện thoại gọi cho bà D1, bà D1 không nghe máy. Ông N1 chờ lâu không thấy bà D1 về nên có nhờ ông P1 điện thoại cho bà L2 để nói sự việc trên. Bà L2 trả lời cho ông P1 biết là bà D1 nói với bà L2 "bà D1 đã trả hết tiền gốc và lãi cho ông N1 và ông N1 đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy ủy quyền cho bà D1". Khi đó, ông N1 biết đã bị bà D1 lừa lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngay trong ngày 27 tháng 5 năm 2018 đã trình báo Công an phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Cán bộ Công an tiếp nhận tin báo là ông Trương Minh D, ông D hướng dẫn ông N1 là sự việc thuộc thẩm quyền của Công an xã A và Tòa án nhân dân huyện D2 nên yêu cầu ông N1 tự liên hệ xử lý. Ngày 28 tháng 5 năm 2018, ông N1 làm đơn kiện ra Tòa án nhân dân huyện D2, yêu cầu bà D1 trả số tiền là 500.000.000 đồng.

Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bà D1 thừa nhận qua sự giới thiệu của bà L2, bà D1 có vay của ông N1 500.000.000 đồng vào ngày 02 tháng 4 năm 2018. Khi vay bà D1 có ký vào sổ của ông N1 và ký giấy ủy quyền "quyền sử dụng đất" cho ông N1, đồng thời giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D1 cho ông N1.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, bà D1 có trả 30.000.000 đồng tiền lãi cho ông N1.

Ngày 27 tháng 5 năm 2018, bà D1 đến nhà ông N1 trả lại số tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng/01 tháng nên ông N1 đã trả lại cho bà D1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đứng tên Trần Thị D1) và 01 giấy ủy quyền ngày 02 tháng 4 năm 2018 (bản chính). Khi nhận lại giấy tờ, bà

D1 quên yêu cầu ông N1 gạch bỏ hàng chữ "2/4/ D1 sinh 1981 vay 500.000.000đ" và chữ ký bà D1 trong sổ tay của ông N1.

Khi vào trả tiền thì bà D1 có gặp ông P1.

Bà D1 không còn nợ tiền ông N1 nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N1.

Người làm chứng ông P1 trình bày:

Khoảng 08 giờ sáng ngày 27 tháng 5 năm 2018, ông P1 đang ngồi tại cửa nhà trọ P2 thì gặp bà D1 đi vào nhà ông N1. Bà D1 để xe máy trên lòng lề đường và có nói với ông P1 là đến gặp ông N1 để mượn lại "sổ đỏ" (tức là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để đi phô tô đem đi C vay tiền về trả cho ông N1. Bà D1 vào nhà ông N1 và "năn nỉ" ông N1 rất nhiều lần, không thấy bà D1 trả tiền cho ông N1. Ông P1 vào phòng trọ của mình, một lát sau thì ông N1 có nhờ ông P1 gọi điện thoại cho bà L2 để nói việc bà D1 lấy sổ đỏ và giấy ủy quyền đi phô tô mà không trả cho ông N1. Bà L2 gọi điện cho bà D1 và bà L2 báo cho ông N1 biết là bà D1 nói "đã trả tiền nên ông N1 mới trả sổ đỏ và giấy ủy quyền". Ông N1 có đi báo cho Công an phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương biết sự việc.

Ông P1 xác định sáng ngày 27 tháng 5 năm 2018, bà D1 không có trả nợ cho ông N1.

Người làm chứng bà Sơn Thị L2 trình bày:

Khoảng 08 giờ sáng ngày 27 tháng 5 năm 2018, ông P1 đang ngồi tại cửa nhà trọ P2 thì gặp bà D1 đi vào nhà ông N1; bà L2 đang tắm nên không gặp bà D1. Bà L2 nghe ông P1 nói là bà D1 đang nói chuyện với ông N1 trong nhà ông N1. Sau khi tắm xong, bà L2 đi đến nhà ông N1 và gặp bà D1, bà L2 có chào bà D1 và hỏi "sao chị đi đến nhà ông N1 sớm vậy?", bà D1 trả lời là "đi gặp ông N1 mượn lại sổ đỏ để đi vay tiền bên huyện C, Thành phố H". Bà L2 quay về phòng của bà L2 còn bà D1 tiếp tục nói chuyện với ông N1. Khi bà L2 đi chợ thì ông P1 điện thoại cho bà L2 và nói cho bà biết việc bà D1 lừa ông N1 để lấy bản chính "sổ đỏ" và giấy ủy quyền, bà L2 có điện thoại hỏi bà D1 thì bà D1 nói đã trả nợ cho ông N1 nên ông N1 đã giao "sổ đỏ" và giấy ủy quyền bản chính cho bà D1. Bà L2 xác định sáng ngày 27 tháng 5 năm 2018, bà D1 không có trả nợ cho ông N1.

Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2018/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D2, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang N1 đối với bà Trần Thị D1 về việc buộc bà D1 trả cho ông N1 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn ông Lê Quang N1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Các đương sự thống nhất ngày 02 tháng 4 năm 2018, bà D1 vay ông N1 500.000.000 đồng. Việc bà D1 xác định trả cho ông N1 nhưng không có chứng cứ chứng minh; nếu bà D1 đã thanh toán ông N1 xong 500.000.000 đồng trong ngày 27 tháng 5 năm 2018 thì ông N1 không thể trình báo cho Công an phường T, thị xã B cùng ngày 27 tháng 5 năm 2018. Do vậy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông N1, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm, buộc bà D1 thanh toán cho ông N1 là 500.000.000 đồng

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông N1 khởi kiện bà D1 yêu cầu trả lại 500.000.000 đồng. Ông N1 chứng minh bằng sổ ghi chép cho vay có ghi dòng chữ "*2/4/ D1 sinh 1981 vay 500.000.000đ",* bà D1 ký tên. Đồng thời, ông N1 và bà D1 lập 02 giấy ủy quyền ngày 02/4/2018 (do ông N1 viết) có nội dung: *Bà D1 ủy quyền sổ đất số BH 383268, số vào sổ: CH 00655 cấp ngày 21/9/2011 cho ông N1 được toàn quyền sử dụng nếu số tiền nợ không trả cho ông N1…. số tiền vay 500.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận.* Ông N1 giữ 01 bản chính giấy ủy quyền và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 383268 cấp cho bà D1. Bà D1 thừa nhận có vay 500.000.000 đồng của ông N1 vào ngày 02 tháng 4 năm 2018, ký tên vào sổ của ông N1 và cùng ông N1 lập giấy ủy quyền trên, đồng thời giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N1 giữ.

[2] Ông N1 cho rằng: Ngày 27 tháng 5 năm 2018, bà D1 đến nhà gặp ông N1 để hỏi mượn lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy ủy quyền để bà D1 phô tô đi vay tiền (đưa bản sao giấy chứng nhận để làm tin) ở huyện C về trả cho ông N1; ông N1 đồng ý và giao giấy tờ cho bà D1 nhưng sau đó bà D1 không trả lại giấy tờ cho ông N1 nên ông N1 thông báo cho ông P1, bà L2 biết, cùng ngày 27 tháng 5 năm 2018, ông N1 trình báo sự việc cho Công an phường T và đến ngày 28 tháng 5 năm 2018 thì ông N1 khởi kiện bà D1.

Bà D1 trình bày là đã trả đủ tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng cho ông N1 vào ngày 27 tháng 5 năm 2018 nên ông N1 mới trả lại cho bà D1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy ủy quyền; riêng dòng chữ "*2/4/ D1 sinh 1981 vay 500.000.000đ*" và chữ ký của bà D1 trong sổ của ông N1 thì bà D1 quên nói ông N1 gạch xóa.

[3] Xét ý kiến trình bày của hai bên đương sự, lời khai của các nhân chứng, thấy rằng: Các đương sự, nhân chứng đều khai sáng ngày 27/5/2018 bà

D1 đến nhà ông N1, ông N1 là chủ nhà trọ (nhà cho thuê), bà L2 và ông P1 (người thuê trọ) biết rõ bà D1 đến nhà nói chuyện với ông N1 nhưng xác định rõ ràng là bà D1 không có trả tiền cho ông N1. Ngay sau thời điểm bà D1 đi khỏi nhà ông N1 thì ông N1 đã nói cho ông P1 và nhờ ông P1 gọi điện thoại cho bà L2 (người giới thiệu bà D1 vay tiền ông N1) nói rõ sự việc là *"bà D1 lừa ông N1 lấy lại sổ đỏ..."*. Khi không tìm được bà D1 thì trong ngày 27 tháng 5 năm 2018, ông N1 đã đến Công phường T trình báo sự việc và đến ngày 28 tháng 5 năm 2018 thì ông N1 đã nộp đơn khởi kiện ra Tòa án.

[4] Tại Biên bản xác minh ngày 03/8/2018, ông Trương Minh D (Cảnh sát khu vực thuộc Công an phường T) trình bày: Khoảng cuối tháng 5/2018, ông N1 có đến Công an phường trình bày sự việc trên (tranh chấp giữa ông N1 và bà D1), Công an phường hướng dẫn ông N1 là vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án hoặc Ủy ban nhân dân xã A (nơi cư trú của bà D1).

[5] Như vậy, chứng cứ về việc bà D1 vay tiền (500.000.000 đồng) của ông N1 là rõ ràng, bà D1 thừa nhận; bà D1 trình bày là đã trả tiền cho ông N1 vào sáng ngày 27/5/2018 nhưng không có chứng cứ chứng minh, ông N1 không thừa nhận, chữ ký vay tiền ngày 2/4/2018 của bà D1 vẫn còn trong sổ tay của ông N1; các nhân chứng khai rõ ràng là sáng ngày 27/5/2018 bà D1 có đến gặp ông N1 nhưng không trả tiền. Thực tế thì không thể xảy ra trường hợp bà D1 vừa trả đủ tiền cho ông N1, ngay sau đó ông N1 nói bà D1 chưa trả tiền, rồi trình báo Công an phường và ngày hôm sau khởi kiện ra Tòa để đòi tiền....Bà D1 chỉ có chứng cứ duy nhất là nhận lại được bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy ủy quyền.....đã giao cho ông N1 khi vay tiền; không có chứng cứ trả tiền. So sánh, đối chiếu toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến sự việc theo thời gian, lời khai nhân chứng...thì không đủ căn cứ để chứng minh bà D1 đã trả số tiền vay 500.000.000 đồng cho ông N1. Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của ông N1 là chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp của ông N1.

[6] Về lãi suất vay: Ông N1 không yêu cầu trả tiền lãi, hơn nữa tiền lãi ông N1 đã nhận là ít hơn so với quyền lợi ông N1 được hưởng theo quy định của pháp luật nên Tòa án không tính lại lãi suất mà hai bên đã thực hiện.

[7] Do đó kháng cáo của nguyên đơn ông N1 là có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà D1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông N1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147; khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Quang N1.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2018/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D2, tỉnh Bình Dương như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang N1 đối với bà Trần Thị D1 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Trần Thị D1 phải trả cho ông Lê Quang N1 số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả thêm lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị D1 phải chịu 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Quang N1 không phải chịu.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện D2;
- TAND huyện D2;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đào Minh Đa